

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Chương trình mục tiêu Quốc gia
về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020**

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Nghị quyết số 24/2008/NQ-CP ngày 28 tháng 10 năm 2008 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW xác định nhiệm vụ xây dựng “Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới”.

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020, bao gồm các nội dung chính sau đây:

I. MỤC TIÊU CHUNG

Xây dựng nông thôn mới có kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội từng bước hiện đại; cơ cấu kinh tế và các hình thức tổ chức sản xuất hợp lý, gắn nông nghiệp với phát triển nhanh công nghiệp, dịch vụ; gắn phát triển nông thôn với đô thị theo quy hoạch; xã hội nông thôn dân chủ, ổn định, giàu bản sắc văn hoá dân tộc; môi trường sinh thái được bảo vệ; an ninh trật tự được giữ vững; đời sống vật chất và tinh thần của người dân ngày càng được nâng cao; theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

II. MỤC TIÊU CỤ THỂ

1. Đến năm 2015: 20% số xã đạt tiêu chuẩn Nông thôn mới (theo Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới).
2. Đến năm 2020: 50% số xã đạt tiêu chuẩn Nông thôn mới (theo Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới).

III. THỜI GIAN, PHẠM VI THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Thời gian thực hiện: từ năm 2010 đến năm 2020.
2. Phạm vi: thực hiện trên địa bàn nông thôn của toàn quốc.

IV. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới là một chương trình tổng thể về phát triển kinh tế - xã hội, chính trị và an ninh quốc phòng, gồm 11 nội dung sau:

1. Quy hoạch xây dựng nông thôn mới

a) Mục tiêu: đạt yêu cầu tiêu chí số 01 của Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới. Đến năm 2011, cơ bản phù kín quy hoạch xây dựng nông thôn trên địa bàn cả nước làm cơ sở đầu tư xây dựng nông thôn mới, làm cơ sở để thực hiện mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020;

b) Nội dung:

- Nội dung 1: Quy hoạch sử dụng đất và hạ tầng thiết yếu cho phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hoá, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ;

- Nội dung 2: Quy hoạch phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội - môi trường; phát triển các khu dân cư mới và chỉnh trang các khu dân cư hiện có trên địa bàn xã.

c) Phân công quản lý, thực hiện:

- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn thực hiện nội dung 1 "Quy hoạch sử dụng đất và hạ tầng thiết yếu cho phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hoá, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ";

- Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện nội dung 2: "Quy hoạch phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội - môi trường; phát triển các khu dân cư mới và chỉnh trang các khu dân cư hiện có trên địa bàn xã";

- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã hướng dẫn các xã rà soát, bổ sung và hoàn chỉnh 02 loại quy hoạch trên; đồng thời chỉ đạo thực hiện;

- Ủy ban nhân dân xã tổ chức lập quy hoạch, lấy ý kiến tham gia của cộng đồng dân cư, trình Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt và tổ chức thực hiện các quy hoạch đã được duyệt.

2. Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội

a) Mục tiêu: đạt yêu cầu tiêu chí số 2; 3; 4; 5; 6; 7; 8; 9 trong Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới;

b) Nội dung:

- Nội dung 1: Hoàn thiện đường giao thông đến trụ sở Ủy ban nhân dân xã và hệ thống giao thông trên địa bàn xã. Đến 2015 có 35% số xã đạt chuẩn (các trục đường xã được nhựa hoá hoặc bê tông hoá) và đến 2020 có 70% số xã đạt chuẩn (các trục đường thôn, xóm cơ bản cứng hoá);

- Nội dung 2: Hoàn thiện hệ thống các công trình đảm bảo cung cấp điện phục vụ sinh hoạt và sản xuất trên địa bàn xã. Đến 2015 có 85% số xã đạt tiêu chí nông thôn mới và năm 2020 là 95% số xã đạt chuẩn;

- Nội dung 3: Hoàn thiện hệ thống các công trình phục vụ nhu cầu về hoạt động văn hoá thể thao trên địa bàn xã. Đến 2015 có 30% số xã có nhà văn hoá xã, thôn đạt chuẩn, đến 2020 có 75% số xã đạt chuẩn;

- Nội dung 4: Hoàn thiện hệ thống các công trình phục vụ việc chuẩn hoá về y tế trên địa bàn xã. Đến 2015 có 50% số xã đạt chuẩn và đến 2020 có 75% số xã đạt chuẩn;

- Nội dung 5: Hoàn thiện hệ thống các công trình phục vụ việc chuẩn hoá về giáo dục trên địa bàn xã. Đến 2015 có 45% số xã đạt tiêu chí và năm 2020 có 75% số xã đạt chuẩn;

- Nội dung 6: Hoàn chỉnh trụ sở xã và các công trình phụ trợ. Đến 2015 có 65% số xã đạt tiêu chí và năm 2020 có 85% số xã đạt chuẩn;

- Nội dung 7: Cải tạo, xây mới hệ thống thủy lợi trên địa bàn xã. Đến 2015 có 45% số xã đạt chuẩn (có 50% kênh cấp 3 trở lên được kiên cố hoá). Đến 2020 có 77% số xã đạt chuẩn (cơ bản cứng hoá hệ thống kênh mương nội đồng theo quy hoạch).

c) Phân công quản lý, thực hiện:

- Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện nội dung 1: "Hoàn thiện đường giao thông đến trụ sở Ủy ban nhân dân xã và hệ thống giao thông trên địa bàn xã";

- Bộ Công thương hướng dẫn thực hiện nội dung 2: "Hoàn thiện hệ thống các công trình đảm bảo cung cấp điện phục vụ sinh hoạt và sản xuất trên địa bàn xã";

- Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch hướng dẫn thực hiện nội dung 3: "Hoàn thiện hệ thống các công trình phục vụ nhu cầu về hoạt động văn hoá thể thao trên địa bàn xã";

- Bộ Y tế hướng dẫn thực hiện nội dung 4: "Hoàn thiện hệ thống các công trình phục vụ việc chuẩn hoá về y tế trên địa bàn xã";

- Bộ Giáo dục hướng dẫn thực hiện nội dung 5: "Hoàn thiện hệ thống các công trình phục vụ việc chuẩn hoá về giáo dục trên địa bàn xã";

- Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện nội dung 6: "Hoàn chỉnh trụ sở xã và các công trình phụ trợ";

- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện nội dung 7: "Cải tạo, xây mới hệ thống thủy lợi trên địa bàn xã";

- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã hướng dẫn các xã xây dựng đề án theo các nội dung trên; đồng thời chỉ đạo thực hiện;

- Ủy ban nhân dân các xã xây dựng đề án và tổ chức thực hiện.

3. Chuyển dịch cơ cấu, phát triển kinh tế, nâng cao thu nhập.

a) Mục tiêu: đạt yêu cầu tiêu chí số 10, 12 trong Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới. Đến năm 2015 có 20% số xã đạt, đến 2020 có 50% số xã đạt;

b) Nội dung:

- Nội dung 1: Chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu sản xuất nông nghiệp theo hướng phát triển sản xuất hàng hoá, có hiệu quả kinh tế cao;

- Nội dung 2: Tăng cường công tác khuyến nông; đẩy nhanh nghiên cứu ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất nông - lâm - ngư nghiệp;

- Nội dung 3: Cơ giới hoá nông nghiệp, giảm tổn thất sau thu hoạch trong sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp;

- Nội dung 4: Bảo tồn và phát triển làng nghề truyền thống theo phương châm "mỗi làng một sản phẩm", phát triển ngành nghề theo thế mạnh của địa phương;

- Nội dung 5: Đẩy mạnh đào tạo nghề cho lao động nông thôn, thúc đẩy đưa công nghiệp vào nông thôn, giải quyết việc làm và chuyển dịch nhanh cơ cấu lao động nông thôn.

c) Phân công quản lý, thực hiện:

- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện nội dung 1, 2, 3, 4;

- Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện nội dung 05.

- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã hướng dẫn các xã xây dựng đề án theo các nội dung trên; đồng thời chỉ đạo thực hiện;

- Ủy ban nhân dân các xã xây dựng đề án và tổ chức thực hiện.

4. Giảm nghèo và an sinh xã hội.

a) Mục tiêu: đạt yêu cầu tiêu chí số 11 của Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới;

b) Nội dung:

- Nội dung 1: Thực hiện có hiệu quả Chương trình giảm nghèo nhanh và bền vững cho 62 huyện có tỷ lệ hộ nghèo cao (Nghị quyết 30^a của Chính phủ) theo Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới;

- Nội dung 2: Tiếp tục triển khai Chương trình mục tiêu Quốc gia về giảm nghèo;

- Nội dung 3: Thực hiện các chương trình an sinh xã hội.

c) Phân công quản lý, thực hiện:

- Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện các nội dung trên;

- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã hướng dẫn các xã xây dựng đề án theo các nội dung có liên quan nêu trên; Đồng thời chỉ đạo thực hiện;

- Ủy ban nhân dân các xã xây dựng đề án và tổ chức thực hiện.

5. Đổi mới và phát triển các hình thức tổ chức sản xuất có hiệu quả ở nông thôn

a) Mục tiêu: đạt yêu cầu tiêu chí số 13 của Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới. Đến 2015 có 65% số xã đạt chuẩn và đến 2020 có 75% số xã đạt chuẩn.

b) Nội dung:

- Nội dung 1: Phát triển kinh tế hộ, trang trại, hợp tác xã;
- Nội dung 2: Phát triển doanh nghiệp vừa và nhỏ ở nông thôn;
- Nội dung 3: Xây dựng cơ chế, chính sách thúc đẩy liên kết kinh tế giữa các loại hình kinh tế ở nông thôn.

c) Phân công quản lý, thực hiện:

- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, hướng dẫn thực hiện các nội dung 1, 3;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn thực hiện nội dung 2;
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, Thành phố trực thuộc Trung ương và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã hướng dẫn các xã xây dựng đề án theo các nội dung trên; đồng thời chỉ đạo thực hiện;
- Ủy ban nhân dân các xã xây dựng đề án theo nội dung 1, lấy ý kiến tham gia của cộng đồng dân cư, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt và tổ chức thực hiện.

6. Phát triển giáo dục - đào tạo ở nông thôn

a) Mục tiêu: đạt yêu cầu tiêu chí số 5 và 14 của Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới. Đến 2015 có 45% số xã đạt chuẩn và đến 2020 có 80% số xã đạt chuẩn;

b) Nội dung: Tiếp tục thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia về giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu của Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới;

c) Phân công quản lý, thực hiện:

- Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì, hướng dẫn thực hiện đề án;
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Ủy ban nhân dân chỉ đạo các huyện, thị xã hướng dẫn các xã xây dựng đề án; đồng thời chỉ đạo thực hiện;
- Ủy ban nhân dân các xã xây dựng đề án và tổ chức thực hiện.

7. Phát triển y tế, chăm sóc sức khỏe cư dân nông thôn

a) Mục tiêu: đạt yêu cầu tiêu chí số 5 và 15 của Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới. Đến 2015 có 50% số xã đạt chuẩn và đến 2020 có 75% số xã đạt chuẩn;

b) Nội dung: Tiếp tục thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia trong lĩnh vực y tế, đáp ứng yêu cầu Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới.

c) Phân công quản lý, thực hiện dự án:

- Bộ Y tế chủ trì, hướng dẫn thực hiện đề án;

- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Ủy ban nhân dân chỉ đạo các huyện, thị xã hướng dẫn các xã xây dựng đề án theo các nội dung trên; đồng thời chỉ đạo thực hiện;

- Ủy ban nhân dân các xã xây dựng đề án và tổ chức thực hiện.

8. Xây dựng đời sống văn hoá, thông tin và truyền thông nông thôn

a) Mục tiêu: đạt yêu cầu tiêu chí số 6 và 16 của Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới. Đến 2015 có 30% số xã có nhà văn hoá xã, thôn và 45% số xã có bưu điện và điểm internet đạt chuẩn. Đến 2020 có 75% số xã có nhà văn hoá xã, thôn và 70% có điểm bưu điện và điểm internet đạt chuẩn;

b) Nội dung:

- Nội dung 1: Tiếp tục thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về văn hoá, đáp ứng yêu cầu Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới;

- Nội dung 2: Thực hiện thông tin và truyền thông nông thôn, đáp ứng yêu cầu Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới.

c) Phân công quản lý, thực hiện:

- Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch chủ trì, hướng dẫn thực hiện nội dung 1;

- Bộ Thông tin và truyền thông chủ trì, hướng dẫn thực hiện nội dung 2;

- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Ủy ban nhân dân chỉ đạo các huyện, thị xã hướng dẫn các xã xây dựng đề án theo các nội dung trên; đồng thời chỉ đạo thực hiện;

- Ủy ban nhân dân các xã xây dựng đề án, lấy ý kiến tham gia của cộng đồng dân cư và tổ chức thực hiện.

9. Cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn

a) Mục tiêu: đạt yêu cầu tiêu chí số 17 trong Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới; đảm bảo cung cấp đủ nước sinh hoạt sạch và hợp vệ sinh cho dân cư, trường học, trạm y tế, công sở và các khu dịch vụ công cộng; thực hiện các yêu cầu về bảo vệ và cải thiện môi trường sinh thái trên địa bàn xã. Đến 2015 có 35% số xã đạt chuẩn và đến 2020 có 80% số xã đạt chuẩn;

b) Nội dung:

- Nội dung 1: Tiếp tục thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia về nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn;

- Nội dung 2: Xây dựng các công trình bảo vệ môi trường nông thôn trên địa bàn xã, thôn theo quy hoạch, gồm: xây dựng, cải tạo nâng cấp hệ thống tiêu thoát nước trong thôn, xóm; xây dựng các điểm thu gom, xử lý rác thải ở các xã; chỉnh trang, cải tạo nghĩa trang; cải tạo, xây dựng các ao, hồ sinh thái trong khu dân cư, phát triển cây xanh ở các công trình công cộng....

c) Phân công quản lý, thực hiện:

- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, hướng dẫn thực hiện;

- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã hướng dẫn các xã xây dựng dự án theo các nội dung trên; đồng thời chỉ đạo thực hiện;

- Ủy ban nhân dân các xã xây dựng dự án, lấy ý kiến tham gia của cộng đồng dân cư và tổ chức thực hiện.

10. Nâng cao chất lượng tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể chính trị - xã hội trên địa bàn

a) Mục tiêu: đạt yêu cầu tiêu chí số 18 trong Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới. Đến 2015 có 85% số xã đạt chuẩn và năm 2020 là 95% số xã đạt chuẩn;

b) Nội dung:

- Nội dung 1: Tổ chức đào tạo cán bộ đạt chuẩn theo quy định của Bộ Nội vụ, đáp ứng yêu cầu xây dựng nông thôn mới;

- Nội dung 2: Ban hành chính sách khuyến khích, thu hút cán bộ trẻ đã được đào tạo, đủ tiêu chuẩn về công tác ở các xã, đặc biệt là các vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn để nhanh chóng chuẩn hoá đội ngũ cán bộ ở các vùng này;

- Nội dung 3: Bổ sung chức năng, nhiệm vụ và cơ chế hoạt động của các tổ chức trong hệ thống chính trị phù hợp với yêu cầu xây dựng nông thôn mới.

c) Phân công quản lý, thực hiện:

- Bộ Nội vụ chủ trì, hướng dẫn thực hiện;

- Ủy ban nhân dân các tỉnh, Thành phố trực thuộc Trung ương, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã hướng dẫn các xã xây dựng đề án theo các nội dung có liên quan; đồng thời chỉ đạo, triển khai thực hiện;

- Ủy ban nhân dân các xã xây dựng đề án theo nội dung 1, 3 và tổ chức thực hiện.

11. Giữ vững an ninh, trật tự xã hội nông thôn

a) Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 19 của Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới. Đến 2015 có 85% số xã đạt chuẩn và năm 2020 là 95% số xã đạt chuẩn;

b) Nội dung:

- Nội dung 1: Ban hành nội quy, quy ước làng xóm về trật tự, an ninh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và các hủ tục lạc hậu;

- Nội dung 2: Điều chỉnh và bổ sung chức năng, nhiệm vụ và chính sách tạo điều kiện cho lượng lực lượng an ninh xã, thôn, xóm hoàn thành nhiệm vụ đảm bảo an ninh, trật tự xã hội trên địa bàn theo yêu cầu xây dựng nông thôn mới.

c) Phân công quản lý, thực hiện:

- Bộ Công an chủ trì, hướng dẫn thực hiện đề án;

- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã hướng dẫn các xã xây dựng đề án và tổ chức thực hiện.

V. VỐN VÀ NGUỒN VỐN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH:

1. Vốn ngân sách (Trung ương và địa phương), bao gồm:

a) Vốn từ các chương trình mục tiêu quốc gia và chương trình, dự án hỗ trợ có mục tiêu đang triển khai và sẽ tiếp tục triển khai trong những năm tiếp theo trên địa bàn: khoảng 23%;

b) Vốn trực tiếp cho chương trình để thực hiện các nội dung theo quy định tại điểm 3 mục VI của Quyết định này: khoảng 17%.

2. Vốn tín dụng (bao gồm tín dụng đầu tư phát triển và tín dụng thương mại): khoảng 30%;

3. Vốn từ các doanh nghiệp, hợp tác xã và các loại hình kinh tế khác: khoảng 20%;

4. Huy động đóng góp của cộng đồng dân cư: khoảng 10%.

VI. CÁC GIẢI PHÁP CHỦ YẾU ĐỂ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Thực hiện cuộc vận động xã hội sâu rộng về xây dựng nông thôn mới

a) Tổ chức phát động, tuyên truyền, phổ biến, vận động từ trung ương đến cơ sở, để mọi tầng lớp nhân dân hiểu và cả hệ thống chính trị tham gia. Thường xuyên cập nhật, đưa tin về các mô hình, các điển hình tiên tiến, sáng kiến và kinh nghiệm hay về xây dựng nông thôn mới trên các phương tiện thông tin đại chúng để phổ biến và nhân rộng các mô hình này;

b) Phát động phong trào thi đua xây dựng nông thôn mới trong toàn quốc. Nội dung xây dựng nông thôn mới phải trở thành một nhiệm vụ chính trị của địa phương và các cơ quan có liên quan.

2. Cơ chế huy động vốn:

Thực hiện đa dạng hoá các nguồn vốn huy động để triển khai thực hiện chương trình này.

a) Thực hiện lồng ghép các nguồn vốn của các chương trình mục tiêu quốc gia; các chương trình, dự án hỗ trợ có mục tiêu trên địa bàn, bao gồm:

- Vốn từ các chương trình mục tiêu quốc gia, các chương trình, dự án hỗ trợ có mục tiêu đang triển khai trên địa bàn nông thôn và tiếp tục triển khai trong những năm tiếp theo gồm: chương trình giảm nghèo; chương trình quốc gia về việc làm; chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn; chương trình phòng, chống tội phạm; chương trình dân số và kế hoạch hoá gia đình; chương trình phòng, chống một số bệnh xã hội, bệnh nguy hiểm và HIV/AIDS chương trình thích ứng biến đổi khí hậu; chương trình về văn hóa; chương trình giáo dục đào tạo; chương trình 135; dự án trồng mới 5 triệu ha rừng; hỗ trợ đầu tư trụ sở xã; hỗ trợ chia tách huyện, xã; hỗ trợ khám chữa bệnh cho người nghèo, cho trẻ em dưới 6 tuổi...; đầu tư kiên cố hoá trường, lớp học; kiên cố hoá kênh mương; phát triển đường giao thông nông thôn; phát triển cơ sở hạ tầng nuôi trồng thủy sản, làng nghề...;

- Vốn ngân sách hỗ trợ trực tiếp của chương trình này, - bao gồm cả trái phiếu Chính phủ (nếu có);

b) Huy động tối đa nguồn lực của địa phương (tỉnh, huyện, xã) để tổ chức triển khai Chương trình. Hội đồng nhân dân tỉnh quy định tăng tỷ lệ vốn thu được từ đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất trên địa bàn xã (sau khi đã trừ đi chi phí) để lại cho ngân sách xã, ít nhất 70% thực hiện các nội dung xây dựng nông thôn mới;

c) Huy động vốn đầu tư của doanh nghiệp đối với các công trình có khả năng thu hồi vốn trực tiếp; doanh nghiệp được vay vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước hoặc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được ngân sách nhà nước hỗ trợ sau đầu tư và được hưởng ưu đãi đầu tư theo quy định của pháp luật;

d) Các khoản đóng góp theo nguyên tắc tự nguyện của nhân dân trong xã cho từng dự án cụ thể, do Hội đồng nhân dân xã thông qua;

đ) Các khoản viện trợ không hoàn lại của các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước cho các dự án đầu tư;

e) Sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn tín dụng:

- Vốn tín dụng đầu tư của Nhà nước được trung ương phân bổ cho các tỉnh, thành phố theo chương trình kiên cố hoá kênh mương, phát triển đường giao thông nông thôn, cơ sở hạ tầng nuôi trồng thủy sản và cơ sở hạ tầng làng nghề ở nông thôn và theo danh mục quy định tại Nghị định số 106/2008/NĐ-CP ngày 19 tháng 9 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ;

- Vốn tín dụng thương mại theo quy định tại Nghị định số 41/2010/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ nông nghiệp, nông thôn.

g) Huy động các nguồn tài chính hợp pháp khác.

3. Nguyên tắc cơ chế hỗ trợ

a) Hỗ trợ 100% từ ngân sách trung ương cho: công tác quy hoạch; đường giao thông đến trung tâm xã; xây dựng trụ sở xã; xây dựng trường học đạt chuẩn; xây dựng trạm y tế xã; xây dựng nhà văn hoá xã; kinh phí cho công tác đào tạo kiến thức về xây dựng nông thôn mới cho cán bộ xã, cán bộ thôn bản, cán bộ hợp tác xã;

b) Hỗ trợ một phần từ ngân sách trung ương cho xây dựng công trình cấp nước sinh hoạt, thoát nước thải khu dân cư; đường giao thông thôn, xóm; giao thông nội đồng và kênh mương nội đồng; phát triển sản xuất và dịch vụ; nhà văn hoá thôn, bản; công trình thể thao thôn, bản; hạ tầng các khu sản xuất tập trung, tiêu thụ công nghiệp, thủy sản;

c) Mức hỗ trợ từ ngân sách trung ương căn cứ điều kiện kinh tế xã hội để bố trí phù hợp với quy định tại Nghị quyết Hội nghị lần thứ 7 Ban Chấp hành Trung ương khoá X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn. Ưu tiên hỗ trợ cho các địa phương khó khăn chưa tự cân đối ngân sách, địa bàn đặc biệt khó khăn và những địa phương làm tốt.

4. Cơ chế đầu tư

a) Chủ đầu tư các dự án xây dựng công trình cơ sở hạ tầng trên địa bàn xã là Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã do Ủy ban nhân dân xã quyết định. Đối với các công trình có yêu cầu kỹ thuật cao, đòi hỏi có trình độ chuyên môn mà Ban Quản lý xã không đủ năng lực và không nhận làm chủ đầu tư thì Ủy ban nhân dân huyện giao cho một đơn vị có đủ năng lực làm chủ đầu tư và có sự tham gia của Ủy ban nhân dân xã;

b) Dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng tại các xã, thôn, bản có thời gian thực hiện dưới 2 năm hoặc giá trị công trình đến 3 tỷ, chỉ cần lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật, trong đó phải nêu rõ tên công trình, mục tiêu đầu tư, địa điểm xây dựng, quy mô kỹ thuật công trình, thời gian thi công, thời gian hoàn thành, nguồn vốn đầu tư và cơ chế huy động nguồn vốn kèm theo thiết kế, bản vẽ thi công và dự toán;

Đối với các công trình có giá trị trên 3 tỷ hoặc công trình có yêu cầu kỹ thuật cao thì việc lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật và thiết kế, bản vẽ thi công và dự toán phải do đơn vị tư vấn có tư cách pháp nhân thực hiện. Việc lựa chọn tư vấn phải theo quy định hiện hành.

Trong quá trình chuẩn bị đầu tư cần tiến hành lấy ý kiến tham gia của cộng đồng dân cư về báo cáo kinh tế - kỹ thuật và thiết kế, bản vẽ thi công và dự toán các công trình cơ sở hạ tầng.

c) Ủy ban nhân dân huyện là cấp quyết định đầu tư, phê duyệt báo cáo kinh tế - kỹ thuật các công trình có mức vốn đầu tư trên 3 tỷ đồng có nguồn gốc từ ngân sách và các công trình có yêu cầu kỹ thuật cao;

d) Ủy ban nhân dân xã là cấp quyết định đầu tư, phê duyệt báo cáo kinh tế - kỹ thuật các công trình có mức vốn đầu tư đến 3 tỷ đồng có nguồn gốc từ ngân sách;

đ) Lựa chọn nhà thầu: Việc lựa chọn nhà thầu xây dựng cơ sở hạ tầng các xã thực hiện theo 3 hình thức:

- Giao các cộng đồng dân cư thôn, bản, ấp (những người hưởng lợi trực tiếp từ chương trình) tự thực hiện xây dựng;

- Lựa chọn nhóm thợ, cá nhân trong xã có đủ năng lực để xây dựng;

- Lựa chọn nhà thầu thông qua hình thức đấu thầu (theo quy định hiện hành).

Khuyến khích thực hiện hình thức giao cộng đồng dân cư hưởng lợi trực tiếp từ công trình tự thực hiện xây dựng.

e) Ban giám sát cộng đồng gồm đại diện của Hội đồng nhân dân, Mặt trận tổ quốc xã, các tổ chức xã hội và đại diện của cộng đồng dân cư hưởng lợi công trình do dân bầu thực hiện giám sát các công trình cơ sở hạ tầng xã theo quy định hiện hành về giám sát đầu tư của cộng đồng.

5. Đào tạo cán bộ chuyên trách để triển khai chương trình mục tiêu quốc gia

Hình thành đội ngũ cán bộ chuyên trách ở các cấp từ Trung ương đến địa phương để triển khai có hiệu quả chương trình. Đồng thời, tổ chức đào tạo, tập huấn cho cán bộ làm công tác xây dựng nông thôn mới từ trung ương đến địa phương.

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì phối hợp với Bộ ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xây dựng và ban hành nội dung, tài liệu đào tạo, tổ chức tập huấn cán bộ xây dựng nông thôn mới.

6. Hợp tác quốc tế trong xây dựng nông thôn mới.

a) Vận động, hợp tác với các tổ chức quốc tế hỗ trợ tư vấn và kỹ thuật cho chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới;

b) Tranh thủ hỗ trợ vốn và vay vốn từ các tổ chức tài chính quốc tế và các đối tác phát triển quốc tế để tăng nguồn lực cho xây dựng nông thôn mới.

7. Điều hành, quản lý chương trình

a) Thành lập Ban Chỉ đạo Trung ương để chỉ đạo thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia do đồng chí Phó Thủ tướng thường trực làm Trưởng ban, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn làm Phó trưởng ban thường trực, thành viên là lãnh đạo các Bộ, ngành, các tổ chức đoàn thể có liên quan;

b) Thành lập Ban Chỉ đạo thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới ở các cấp để chỉ đạo triển khai thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới trên địa bàn.

c) Thành lập Văn phòng điều phối Chương trình giúp Ban Chỉ đạo ở Trung ương đặt tại Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Ở các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương giao cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là cơ quan thường trực điều phối, giúp Ban Chỉ đạo tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện Chương trình trên địa bàn.

VII. PHÂN CÔNG QUẢN LÝ VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trách nhiệm của các Bộ, ngành trung ương:

a) Các Bộ, ngành được phân công thực hiện các nội dung của chương trình (tại mục IV) chịu trách nhiệm về việc xây dựng cơ chế, chính sách; hướng dẫn xây dựng các đề án, dự án để thực hiện các nội dung theo yêu cầu của Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới, đồng thời, đôn đốc, kiểm tra, chỉ đạo thực hiện ở cơ sở.

b) Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là cơ quan thường trực Chương trình, có nhiệm vụ:

- Giúp Ban Chỉ đạo Trung ương chỉ đạo thực hiện Chương trình; chủ trì và phối hợp với các Bộ, ngành liên quan xây dựng kế hoạch 5 năm và hàng năm về mục tiêu, nhiệm vụ, các giải pháp và nhu cầu kinh phí thực hiện Chương trình gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Tài chính để tổng hợp báo cáo Chính phủ;

- Đôn đốc, kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện Chương trình của các Bộ, ngành, cơ quan Trung ương và các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, tổng hợp báo cáo Ban Chỉ đạo Trung ương và Chính phủ.

c) Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính và các Bộ, ngành có liên quan cân đối và phân bổ nguồn lực cho Chương trình thuộc nguồn vốn ngân sách Trung ương; phối hợp với các Bộ, ngành liên quan xây dựng cơ chế, chính sách, quản lý thực hiện Chương trình.

d) Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xác định vốn từ ngân sách đối với từng nhiệm vụ cụ thể cho các Bộ, ngành, địa phương triển khai thực hiện Chương trình theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước; đồng thời chịu trách nhiệm hướng dẫn cơ chế tài chính phù hợp với các Đề án, dự án của Chương trình; giám sát chỉ tiêu; tổng hợp quyết toán kinh phí Chương trình; cơ chế lồng ghép các nguồn vốn.

đ) Bộ Xây dựng hướng dẫn, hỗ trợ các địa phương hoàn thành quy hoạch ở các xã theo tiêu chí nông thôn mới;

e) Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chỉ đạo, kiểm tra việc thực hiện chính sách tín dụng của các ngân hàng tham gia thực hiện chương trình;

g) Các cơ quan thông tin truyền thông có trách nhiệm tuyên truyền phục vụ yêu cầu của chương trình.

2. Trách nhiệm của địa phương

a) Tổ chức triển khai các chương trình trên địa bàn;

b) Phân công, phân cấp trách nhiệm của từng cấp và các ban, ngành cùng cấp trong việc tổ chức thực hiện Chương trình theo nguyên tắc tăng cường phân cấp và đề cao tinh thần trách nhiệm cho cơ sở;

c) Chỉ đạo lồng ghép có hiệu quả các Chương trình, dự án trên địa bàn; thường xuyên kiểm tra, giám sát việc quản lý thực hiện chương trình và thực hiện chế độ báo cáo hàng năm.

3. Huy động sự tham gia của các tổ chức đoàn thể: đề nghị Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên tích cực tham gia vào thực hiện Chương trình; tiếp tục thực hiện cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá ở khu dân cư", bổ sung theo các nội dung mới phù hợp với chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

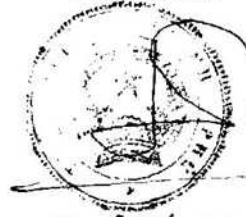
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- VP BCĐ TW về phòng, chống tham nhũng;
- HDND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Văn phòng TW và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các UB của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- UB Giám sát tài chính QG;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ngân hàng Chính sách Xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban TW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, KTN (5b).M **LAO**

THỦ TƯỚNG



Nguyễn Tấn Dũng